

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/DS-ST

Ngày: 03-8-2024

“Tranh chấp về hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-DS, ngày 21/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2024/QĐST-DS ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1); Địa chỉ trụ sở: số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ H, chức vụ: Chuyên viên khách hàng phòng G là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2024) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1961; Địa chỉ: số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại khởi kiện ngày 15/3/2024 cũng như tại phiên tòa ông **Hồ H** đại diện theo ủy quyền nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** trình bày: **Ngân hàng TMCP S** có cho bà **Nguyễn Thị Bích T** sử dụng vốn trên thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 01/2022 ngày 23/8/2022, cụ thể:

- Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng.

- Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký: 31,2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà **Nguyễn Thị Bích T** đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 30.300.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ, bà **T** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.650.000 đồng rồi ngưng đến nay.

Đến hiện tại thì bà **Nguyễn Thị Bích T** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù **Ngân hàng S1** thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc để yêu cầu bà **Nguyễn Thị Bích T** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời **Ngân hàng S1** cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà **T** trả nợ. Tuy nhiên, bà **T** vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 01/2022 ngày 23/8/2022 đã ký. Tính đến ngày 15/03/2024, bà **Nguyễn Thị Bích T** có trách nhiệm phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S**, tổng số tiền là: 48.101.799 đồng, trong đó: Tiền dư nợ gốc: 35.965.239 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.136.560 đồng.

Về dư nợ gốc mà bà **Nguyễn Thị Bích T** còn nợ lại là 35.965.239 đồng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 01/2022 ngày 23/8/2022 quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi bà **Nguyễn Thị Bích T** thanh toán dứt nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**.

Trong quá trình tố tụng bị đơn là bà **Nguyễn Thị Bích T** đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng bà **Nguyễn Thị Bích T** vắng mặt xét xử là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** khởi kiện yêu cầu **Nguyễn Thị Bích T** trả số tiền vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà **Nguyễn Thị Bích T** là bị đơn đang sinh sống tại **huyện L** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà **Nguyễn Thị Bích T** được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **Nguyễn Thị Bích T** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 01/2022 ngày 23/8/2022 mà bà **T** và **Ngân hàng TMCP S** đã ký kết, cụ thể: Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn tại thời điểm ký: 31,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà **T** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP S**, thực hiện không đúng nghĩa vụ theo nội dung đã thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã được các bên thỏa thuận, ký kết. Do đó, **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu bà **T** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền dư nợ gốc là 35.965.239 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/3/2024 là 12.136.560 đồng, về dư nợ gốc mà **Nguyễn Thị Bích T** còn nợ lại là 35.965.239 đồng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 01/2022 ngày 23/8/2022 quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi bà **Nguyễn Thị Bích T** thanh toán dứt nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bà **Nguyễn Thị Bích T** mặc dù nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và biết được yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, việc bà **Nguyễn Thị Bích T** không đến Tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của **Ngân hàng TMCP S** thì mọi hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến bà **Nguyễn Thị Bích T** phải chịu.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự, bà T là người cao tuổi, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà T vắng mặt không tham gia tố tụng và cũng không có đơn xin miễn tiền án phí, nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Bích T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền dư nợ gốc: 35.965.239 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15/3/2024 là 12.136.560 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 48.101.799 đồng (Bốn mươi tám triệu, một trăm lẻ một nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng).

Về dư nợ gốc mà bà Nguyễn Thị Bích T còn nợ là 35.965.239 đồng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 01/2022 ngày 23/8/2022 quy định. Thời gian tính lãi kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị Bích T thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 2.405.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 1.202.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003733 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Quan Nam